Chi tiết mã HS 0302.22.00

Mã HS	0302.22.00
Mô tả hàng hóa	Cá, tươi hoặc ướp lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá bơn (Pleuronectidae, Bothidae, Cynoglossidae, Soleidae, Scophthalmidae và Citharidae), trừ phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0302.91 đến 0302.99: / - - Cá bơn sao (Pleuronectes platessa)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 03:09:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03022200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K297
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N297
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q297
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ297
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E290
ATIGA	2022	2022	0	AT!E291
ATIGA	2023	2023	0	AT!F291
ATIGA	2024	2024	0	AT!G291
ATIGA	2025	2025	0	AT!H291
ATIGA	2026	2026	0	AT!I291
ATIGA	2027	2027	0	AT!J291
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E293
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F293
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G293
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H293

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I293
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J293
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E291
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F291
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G291
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H291
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I291
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J291
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F291
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H290
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F293
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G293
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H293
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I293
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J293
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K293
VKFTA	2022	2022	0	VK!E291
VKFTA	2023	2023	0	VK!F291
VKFTA	2024	2024	0	VK!G291
VKFTA	2025	2025	0	VK!H291
VKFTA	2026	2026	0	VK!I291
VKFTA	2027	2027	0	VK!J291
VCFTA	2022	2022	*	VC!D292
VCFTA	2023	2023	*	VC!E292
VCFTA	2024	2024	*	VC!F292
VCFTA	2025	2025	*	VC!G292

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	*	VC!H292
VCFTA	2027	2027	*	VC!I292
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D293
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E293
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F293
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G293
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H293
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I293
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D292
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E292
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F292
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G292
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H292
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I292
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D290
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E290
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F290
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G290
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H290
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I290
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D292
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E292
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F292
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G292
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H292
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I292

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D292
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E292
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F292
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G292
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H292
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I292
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J292
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D291
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E291
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F291
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G291
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H291
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I291
RCEP B	2022	2022	0	B!D291
RCEP B	2023	2023	0	B!E291
RCEP B	2024	2024	0	B!F291
RCEP B	2025	2025	0	B!G291
RCEP B	2026	2026	0	B!H291
RCEP B	2027	2027	0	B!I291
RCEP C	2022	2022	0	C!D291
RCEP C	2023	2023	0	C!E291
RCEP C	2024	2024	0	C!F291
RCEP C	2025	2025	0	C!G291
RCEP C	2026	2026	0	C!H291
RCEP C	2027	2027	0	C!I291
RCEP D	2022	2022	0	D!D291

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E291
RCEP D	2024	2024	0	D!F291
RCEP D	2025	2025	0	D!G291
RCEP D	2026	2026	0	D!H291
RCEP D	2027	2027	0	D!I291
RCEP E	2022	2022	0	E!D291
RCEP E	2023	2023	0	E!E291
RCEP E	2024	2024	0	E!F291
RCEP E	2025	2025	0	E!G291
RCEP E	2026	2026	0	E!H291
RCEP E	2027	2027	0	E!I291
RCEP F	2022	2022	0	F!D291
RCEP F	2023	2023	0	F!E291
RCEP F	2024	2024	0	F!F291
RCEP F	2025	2025	0	F!G291
RCEP F	2026	2026	0	F!H291
RCEP F	2027	2027	0	F!I291
VIFTA	2024	2024	18	VI!F274
VIFTA	2025	2025	16	VI!G274
VIFTA	2026	2026	14	VI!H274
VIFTA	2027	2027	12	VI!I274

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0302.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0302.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N297), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.